

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HS-ST
Ngày: 26-4-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bạ;

Bà Phạm Nguyễn Phương Thà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 và 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2022/HSST ngày 25 tháng 2 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Quốc T, sinh ngày 24/3/2004 tại Bình Dương; nơi cư trú: Số 23, khu phố C, phường Lái T, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Y L, sinh năm 1970 và bà Tạ Ngọc B, sinh năm 1977. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/9/2021 đến nay. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

2. Tống Hữu T1, sinh ngày 06/01/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: C26A Khu phố Bình P, phường Bình N, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Hữu T2, sinh năm 1975 và bà Keo Thị B (đã chết). Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/01/2022 đến nay. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại: Trần Ngọc Quốc B, sinh ngày 16/4/2004, `HKTT: E17, khu dân cư K8, phường Hiệp T, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn Thành T3, sinh ngày 07/8/2005, nơi cư trú: 1/123F khu phố Bình Đ, phường Bình N, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quốc T và Trần Ngọc Quốc B là bạn học chung với nhau. Biết B có điện thoại di động Iphone 12 Pro nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt, T rủ Tổng Hữu T1 cùng thực hiện thì T1 đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 10/7/2021, T, T1 rủ B đi đến đường An S 21 thuộc ấp An M, xã An S, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương để câu cá cạnh bờ kênh bên đường. Khi đến nơi, T nói B để điện thoại trên bờ vì sợ điện thoại rơi xuống nước, mục đích để cho T1 có cơ hội lấy điện thoại của B. Lúc này, B, T và T1 đều lấy điện thoại bỏ vào 01 cái nón của T để trên bờ rồi đi xuống bờ kênh cách đó khoảng 05 mét để câu cá. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, lợi dụng lúc B không để ý, T1 đã lén lút lấy điện thoại của B rồi đi ra ngoài cách khoảng 20-30 mét, khuất tầm nhìn của B và gọi điện thoại cho một người bạn là Phan Văn Thành T3 đến mang điện thoại về đi sửa, cất giữ dùm. Khoảng 15 phút sau, T3 đi đến gặp T1 thì T1 lấy điện thoại mới lấy trộm được của B và nhờ T3 mang đến tiệm điện thoại để mở nguồn do điện thoại bị tắt nguồn rồi T1 sẽ đến lấy sau. Do các cửa hàng điện thoại đều đóng cửa để phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên T3 mang điện thoại về nhà cất. Sau khi nhìn thấy T1 đã lấy trộm được điện thoại của B thì T đã đi đến lấy điện thoại của T và T1 cất giấu vào trong một bụi cỏ ven đường, cách chỗ câu cá khoảng 10 mét để tạo hiện trường giả như đã bàn bạc trước với T1 về việc cả ba đều bị mất điện thoại. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, B đi lên bờ phát hiện chiếc điện thoại của mình đã bị mất trộm nên hỏi T, T1 có thấy điện thoại ở đâu không thì T và T1 đều nói không biết nên cùng nhau đi tìm. Không tìm thấy điện thoại, B gọi điện thoại về nhà báo cho cha là ông Trần Ngọc A để nhờ hỗ trợ tìm kiếm điện thoại nhưng vẫn không thấy nên ông Án đã trình báo sự việc đến Công an xã An S. Công an xã An S đã đến hiện trường để tiếp tục tìm kiếm thì phát hiện chiếc điện thoại của T1 và chiếc điện thoại của T đang cất giấu trong một bụi cỏ ven đường cách chỗ câu cá khoảng 10 mét. Công an xã An S đã mời T, T1 về trụ sở làm việc, quá trình ghi lời khai T, T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên, sau đó T3 đã mang điện thoại di động Iphone 12Pro do T1 đưa cất giữ dùm đến Cơ quan Công an xã An S giao nộp.

Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro 256GB.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 08/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thuận An xác định tại sản bị chiếm đoạt: 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro 256GB trị giá 23.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKS-TA ngày 23/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đã truy tố các bị cáo Phạm Quốc T và Tổng Hữu T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phạm Quốc T từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng và bị cáo Tổng Hữu T1 từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động iPhone 12 Pro 256GB, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị hại Trần Ngọc Quốc B nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại.

Đối với Phan Văn Thành T3 đã có hành vi cất giữ điện thoại do bị cáo T1 trộm cắp, quá trình điều tra T3 khi nhận điện thoại từ bị cáo T1 thì T3 không biết là tài sản do bị cáo T1 trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T3 là có căn cứ.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội học tập lao động phụ giúp gia đình, đóng góp cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thuận An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Quốc T thực hiện hành vi tội phạm khi chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo bị bắt và tiến hành các thủ tục tố tụng từ 10/7/2021, thời điểm này bị cáo đã đủ 18 tuổi. Mặt khác, bị cáo T có đơn từ chối yêu cầu người bào chữa nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không yêu cầu người bào chữa chỉ định cho bị cáo T.

[2] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Quốc T và Tống Hữu T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 10/7/2021, tại đường An Sơn 21 thuộc ấp An M, xã An S, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Phạm Quốc T và Tống Hữu T1 có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động iPhone 12 Pro 256GB của bị hại Trần Ngọc Quốc B trị giá 23.500.000 đồng.

Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo Phạm Quốc T và Tống Hữu T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại nơi các bị cáo gây án. Các bị cáo còn trẻ tuổi có khả năng lao động lẽ ra các bị cáo phải tích cực lao động để

tạo ra của cải vật chất nhưng vì tham lam, lười lao động mà các bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo để các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình và có ý thức cải tạo, sửa đổi thành công dân tốt.

[4] Xét về vai trò đồng phạm, đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Phạm Quốc T là người rủ rê đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại; bị cáo Tống Hữu T1 là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trong vụ án này, vai trò của bị cáo T cao hơn bị cáo T1.

[5] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tang nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Phạm Quốc T tại thời điểm thực hiện hành vi tội phạm, bị cáo chưa đủ 18 tuổi; hiện nay bị cáo đang theo học lớp 12 A11 tại Trường trung học phổ thông Việt Âu, địa chỉ: AH1, Tân Thới H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

[6] Xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động iPhone 12 Pro 256GB, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị hại Trần Ngọc Quốc B nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp.

[8] Đối với Phan Văn Thành T3 không biết là tài sản do T1 trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T3 là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc T và bị cáo Tống Hữu T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt áp dụng:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Phạm Quốc T:

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án 26/4/2022.

Giao bị cáo Phạm Quốc T cho Ủy ban nhân dân phường Lái T, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Tổng Hữu T1:

Xử phạt bị cáo Tổng Hữu T1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tổng Hữu T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo;
- Lưu:HS,THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hoài Phương